

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 4090 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bình Định, ngày 26 tháng 11 năm 2024*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Dự án: Đường nối từ đường trục Khu kinh tế đến  
Khu tâm linh chùa Linh Phong, huyện Phù Cát.**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Căn cứ Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước khu vực III số 459/TB-KV III ngày 06/12/2021*

*Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 91/2022/BCKT-AVN ngày 16/12/2022 và số 30/2024/BCKTĐCBS-AVN ngày 08/7/2024 của Công ty TNHH kiểm toán AVN Việt nam về Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành dự án Đường nối từ đường trục Khu kinh tế đến Khu tâm linh chùa Linh Phong;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 494/TTr-STC ngày 21/11/2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với nội dung chính như sau:

- Tên dự án: Đường nối từ đường trục Khu kinh tế đến Khu tâm linh chùa Linh Phong.

+ Phân công việc: Chi phí xây lắp, quản lý dự án, tư vấn và chi phí khác

- Chủ đầu tư: Ban QLDA Giao thông tỉnh.

- Địa điểm xây dựng: xã Cát Tiên, Huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.

- Cơ quan phê duyệt dự án đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.

- Thời gian khởi công - hoàn thành: 22/12/2018 -> 12/9/2022.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư

**1. Chi phí đầu tư**

Đơn vị tính: đồng.

TT	Nội dung	Tổng dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán phê duyệt
	<b><u>Tổng cộng chi phí</u></b>	<b><u>119.784.371.000</u></b>	<b><u>114.275.862.000</u></b>
<b>1</b>	<b>Chi phí xây dựng, thiết bị</b>	<b>103.649.098.000</b>	<b>105.383.585.000</b>
Gói 1	Km0+00 - Km0+720 và cây xanh, hệ thống điện chiếu sáng		<u>51.927.817.000</u>
-	Khối lượng do Công ty TNHH XD TH An Kim thực hiện		24.250.041.000
-	Khối lượng do Công ty TNHH Đầu tư XD và TM dịch vụ Yên Tùng thực hiện		20.314.248.000
-	Khối lượng do Công ty TNHH Hùng Phát thực hiện		7.363.528.000
Gói 2	Km0+720 - Km1+652		<u>53.455.768.000</u>
-	Khối lượng do Công ty TNHH Công nghệ & XD Nam Ngân thực hiện		31.337.738.000
-	Khối lượng do Công ty TNHH Đầu tư XD và TMDV Yên Tùng thực hiện		22.118.030.000
<b>2</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>1.527.508.000</b>	<b>1.527.507.000</b>
<b>3</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>6.188.913.000</b>	<b>5.630.040.000</b>
3.1	Lựa chọn nhà thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	10.511.000	0
3.2	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	84.015.000	83.941.000
3.3	Giám sát môi trường trong quá trình thi công	116.000.000	109.854.000
3.4+3.5		<u>928.000.000</u>	<u>903.364.000</u>
3.4	Khảo sát bước lập dự án đầu tư	493.473.000	
3.5	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi	434.527.000	
3.6	Cấm cọc GPMB	122.158.000	120.383.000
3.7+3.8	Khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	<u>1.987.188.000</u>	<u>1.899.776.000</u>
3.7	Khảo sát bước bản vẽ thi công	579.613.000	512.006.000

3.8	Thiết kế bản vẽ thi công	1.407.575.000	1.387.770.000
<i>a</i>	<i>Phần tuyến (công trình giao thông cấp II – thiết kế 2 bước)</i>	1.289.285.000	1.289.285.000
<i>b</i>	<i>Phần chiếu sáng (công trình hạ tầng cấp II – thiết kế 2 bước)</i>	118.290.000	98.485.000
<i>b1</i>	<i>Thiết kế đường dây 22kv</i>	2.725.000	
<i>b2</i>	<i>Thiết kế trạm biến áp</i>	6.713.000	
<i>b3</i>	<i>Thiết kế đường dây chiếu sáng</i>	108.852.000	
3.9	Lựa chọn nhà thầu khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công	7.548.000	6.919.000
-	<i>Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu</i>	5.048.000	4.589.000
-	<i>Thẩm định hồ sơ mời thầu</i>	1.000.000	1.000.000
-	<i>Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu</i>	1.000.000	1.000.000
-	<i>Đăng tải thông tin đấu thầu</i>	500.000	330.000
3.10+3.11	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	196.094.000	190.062.000
3.12a	Lựa chọn nhà thầu thi công xây lắp, thiết bị	219.009.000	208.063.000
<i>a</i>	<i>Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu</i>	117.945.000	107.222.000
<i>b</i>	<i>Thẩm định hồ sơ mời thầu</i>	50.000.000	50.000.000
<i>c</i>	<i>Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu</i>	50.000.000	50.000.000
<i>d</i>	<i>Đăng tải thông tin đấu thầu</i>	500.000	330.000
<i>e</i>	<i>Lập hồ sơ mời thầu mua sắm thiết bị</i>	254.000	230.000
<i>f</i>	<i>Đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm thiết bị</i>	310.000	281.000
3.13	Giám sát công tác khảo sát bước bản vẽ thi công	43.696.000	
3.14	Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình	1.895.105.000	1.824.536.000
3.15	Lựa chọn nhà thầu giám sát thi công	19.881.000	18.501.000
3.16	Kiểm định chất lượng công trình	280.936.000	264.641.000

5.17	Tư vấn khác (lập dự toán điều chỉnh giá và các công việc khác ...)	277.274.000	
<b>6</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>7.158.072.000</b>	<b>1.734.730.000</b>
6.1	Rà phá bom mìn, vật nổ	860.130.000	827.958.000
6.2	Bảo hiểm công trình	277.802.000	277.802.000
6.3	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	310.013.000	120.568.000
6.4	Kiểm toán	1.011.267.000	457.114.000
6.5+6.6 +6.7		<u>51.289.000</u>	<u>51.288.000</u>
6.5	Phí thẩm định dự án đầu tư	18.129.000	18.129.000
6.6b	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán của hạng mục điện chiếu sáng	3.023.000	3.023.000
6.6a	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	15.324.000	15.323.000
6.7	Phí thẩm định dự toán xây dựng	14.813.000	14.813.000
6.8	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	45.000.000	
6.9	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình	30.064.000	
6.10	Chi phí hạng mục chung	4.396.093.000	
-	<i>Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công tại hiện trường</i>	1.958.279.000	
-	<i>Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế</i>	1.959.549.000	
-	<i>Chi phí đảm bảo giao thông phân đường</i>	227.514.000	
-	<i>Chi phí đảm bảo giao thông phân công hợp lơn</i>	117.106.000	
-	<i>Chi phí di chuyển máy, thiết bị thi công và lực lượng lao động đến và ra khỏi công trường</i>	93.645.000	
-	<i>Chi phí di dời cột điện</i>	40.000.000	

6.11	Chi phí giải phóng mặt bằng tạm thời	150.000.000	
6.12	Chi phí nghiệm thu đóng điện bàn giao đường dây 22kv	775.000	
6.13	Chi phí nghiệm thu đóng điện bàn giao trạm biến áp	9.139.000	
6.14	Chi phí đầu nối hotline (01 trạm)	16.500.000	
<b>7</b>	<b>Dự phòng chi</b>	<b>1.260.780.000</b>	

## 2. Vốn đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn đã thu hồi
1	2	3	4	5	6
<b>Tổng số</b>	<b><u>119.784.371</u></b>	<b><u>114.275.862</u></b>	<b><u>114.874.345</u></b>	<b><u>456.882</u></b>	<b><u>1.055.365</u></b>
<b>1. Vốn đầu tư công</b>			<b>114.874.345</b>		
- <i>Vốn ngân sách nhà nước</i>			<i>114.874.345</i>		
+ Ngân sách tỉnh			114.874.345		

## 3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>			<b><u>114.275.862.000</u></b>	<b><u>114.275.862.000</u></b>
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định):			114.275.862.000	114.275.862.000
2. Tài sản ngắn hạn:				

## 4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.
- Chi phí không tạo nên tài sản: không.

## 5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không.

**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng.

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>114.275.862.000</b>	
- <b>Vốn đã được thanh toán:</b>	<b>114.874.345.000</b>	
+ Ngân sách tỉnh	114.874.345.000	
- <b>Vốn chưa được thanh toán</b>	<b>456.882.000</b>	
- <b>Vốn đã thu hồi:</b>	<b>1.055.365.000</b>	
- <b>Vốn còn phải thu hồi:</b>	<b>0</b>	

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 26/7/2024 (ngày lập báo cáo quyết toán bổ sung) là:

+ Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 456.882.000 đồng. Gồm:

. Chi phí tư vấn (Giám sát môi trường trong quá trình thi công): 109.854.000 đồng.

. Chi phí khác: 347.028.000 đồng;

Kiểm toán báo cáo quyết toán: 226.460.000 đồng;

Thẩm tra phê duyệt quyết toán: 120.568.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản.

Đơn vị tính: đồng.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1. Ban quản lý Bảo trì Đường bộ	95.301.034.000	
2. UBND huyện Phù Cát	18.974.828.000	

**Điều 4.** Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, Giám đốc Ban quản lý Bảo trì Đường bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**